

Bản án số: 44/2018/HC-ST.

Ngày: 12/11/2018

*“V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong quản lý đất đai”.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huồn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Liên

2. Bà Cù Thị Lan

-Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Ngân là Thư ký Tòa án

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byã - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 24/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 64/2018/TLST-HC ngày 08 tháng 6 năm 2018 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2017/QĐXXST-HC ngày 05/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2018/QĐST-HC ngày 24/10/2018, **giữa các đương sự:**

Người khởi kiện:

1. Ông Đỗ Xuân T1 - Có mặt

2. Ông Đỗ Xuân T2 - Có mặt

3. Ông Đỗ Xuân T3 - Có mặt

4. Ông Đỗ L - Có mặt

5. Ông Đỗ Xuân T4 - Có mặt

6. Bà Đỗ Thị Xuân T5 - Có mặt

7. Bà Đỗ Thị T6 và ông Hồ Quang V - Có mặt

Cùng địa chỉ: đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ: Số M đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố B và Chủ tịch UBND thành phố B: Ông Lưu Văn K - Chức vụ: Phó chủ tịch ủy ban nhân thành phố B - (Theo văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 6 năm 2018) - Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND thành phố B: Ông Đặng Văn M - Chức vụ Phó Giám đốc Trung Tâm phát triển quỹ đất thành phố B - Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị Th - Vắng mặt

2. Bà Trần Thị Minh S - Vắng mặt

3. Bà Trương Thị Thu T

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị Thu T: Ông Đỗ Xuân T2 (theo văn bản ủy quyền ngày 24/10/2018) - Có mặt

4. Bà Nguyễn Thị Phương T - Có mặt

Cùng địa chỉ: đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 16/4/2018; Đơn sửa, đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 29/5/2018 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là ông Đỗ L trình bày: Thửa đất số 137, tờ bản đồ số 81, có diện tích 336,3m² tại tổ dân phố B, phường T, thành phố B có nguồn gốc do ông khai hoang từ năm 1984, với tổng diện tích 4.235,2m² và sử dụng ổn định; Năm 2005, ông tặng cho các con 3898,9m² đất, còn lại 336,3m² đất ông sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Quá trình sử dụng đất, ông không bị xử phạt hành chính về hành vi lấn chiếm đất, không có tranh chấp về quyền sử dụng đất; Hàng năm ông thực hiện nghĩa vụ thuế sử dụng đất đúng với quy định của pháp luật.

Ngày 17/10/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 5721/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất nêu trên của ông, để xây dựng cơ sở hạ tầng; Cũng trong ngày 17/10/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 5758/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông về cây trồng trên diện tích đất bị thu hồi với số tiền 15.449.947đ, không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi.

Ngày 28/5/2018, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 2983/QĐ-UBND phê duyệt phương án bổ sung, hỗ trợ thêm cho gia đình ông 45.400.500đ.

Việc UBND thành phố B thu hồi 336,3m² đất của gia đình ông, để xây dựng cơ sở hạ tầng nhưng không bồi thường cho gia đình ông giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi, là trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án: Hủy Quyết định số: 5758/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Trong đơn khởi kiện ngày 16/4/2018; Đơn sửa, đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 29/5/2018 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là ông Đỗ Xuân T4 trình bày: Thửa đất số 137-2, tờ bản đồ số 81, có diện tích 760,7m² tại tổ dân phố B, phường T, thành phố B có nguồn gốc do bố của ông là ông Đỗ L khai hoang từ năm 1984 và sử dụng ổn định; Năm 2000, ông Đỗ L tặng cho ông thửa đất nêu trên; Ông xây dựng nhà ở và trồng cây nông nghiệp trên đất.

Ngày 17/10/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 5729/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất nêu trên của gia đình ông để xây dựng cơ sở hạ tầng; Cũng trong ngày 17/10/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 5758/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông về nhà ở trên đất là 117.950.063đ; bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc khác trên đất là 57.051.282đ; bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất là 9.736.819đ. Tổng cộng 184.738.164đ, không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi.

Ngày 02/4/2018, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 1858/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi thửa đất nêu trên của gia đình ông.

Ngày 28/5/2018, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 2983/QĐ-UBND phê duyệt phương án bổ sung, hỗ trợ thêm cho gia đình ông 67.405.500đ.

Việc UBND thành phố B thu hồi 760,7m² đất của gia đình ông, để xây dựng cơ sở hạ tầng nhưng không bồi thường cho gia đình ông giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi, là trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án: Hủy Quyết định số: 5758/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định số: 1858/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế thu hồi đất của gia đình ông.

3. Trong đơn khởi kiện ngày 16/4/2018; Đơn sửa, đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 05/5/2018 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là ông Đỗ Xuân T3 trình bày: Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 81, có diện tích 665m² tại tổ dân phố B, phường T, thành phố B có nguồn gốc do bố của ông là ông Đỗ L khai khai hoang từ năm 1984 và sử dụng ổn định; Năm 2002, ông Đỗ L tặng cho ông thửa đất nêu trên; Gia đình ông trồng cây nông nghiệp và sinh sống ổn định tại thửa đất nêu trên.

Ngày 17/10/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 5721/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất nêu trên của gia đình ông để xây dựng cơ sở hạ tầng; Cũng trong ngày 17/10/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 5758/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông về vật kiến trúc trên đất 30.196.800đ; bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất 14.999.584đ. Tổng cộng 45.196.384đ, không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi.

Ngày 02/4/2018, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 1853/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi thửa đất nêu trên của gia đình ông.

Ngày 28/5/2018, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 2983/QĐ-UBND phê duyệt phương án bổ sung, hỗ trợ thêm cho gia đình ông 89.775.000đ.

Việc UBND thành phố B thu hồi 665m² đất của gia đình ông, để xây dựng cơ sở hạ tầng nhưng không bồi thường cho gia đình ông giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi, là trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án: Hủy Quyết định số: 5758/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định số: 1853/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế thu hồi đất của gia đình ông.

4. Trong đơn khởi kiện ngày 16/4/2018; Đơn sửa, đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 05/5/2018 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là bà Đỗ Thị Xuân T5 trình bày: Thửa đất số 137-4, tờ bản đồ số 81, có diện tích 330,1m² tại tổ dân phố B, phường T, thành phố B có nguồn gốc do bố của bà là ông Đỗ L khai khai hoang từ năm 1984 và sử dụng ổn định; Năm 2002, ông Đỗ L tặng cho bà thửa đất nêu trên; Gia đình bà trồng cây nông nghiệp và sinh sống ổn định tại thửa đất nêu trên.

Ngày 17/10/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 5730/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất nêu trên của gia đình bà để xây dựng cơ sở hạ tầng; Cũng trong ngày 17/10/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 5758/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà về cây trồng trên đất 12.843.696đ; không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi.

Ngày 02/4/2018, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 1859/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi thửa đất nêu trên của gia đình bà.

Ngày 28/5/2018, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 2983/QĐ-UBND phê duyệt phương án bổ sung, hỗ trợ thêm cho gia đình bà 44.563.500đ.

Việc UBND thành phố B thu hồi 330,1m² đất của gia đình bà, để xây dựng cơ sở hạ tầng nhưng không bồi thường cho gia đình bà giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi, là trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án: Hủy Quyết định số: 5758/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định số: 1859/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế thu hồi đất của gia đình ông.

5. Trong đơn khởi kiện ngày 16/4/2018; Đơn sửa, đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 05/5/2018 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là ông Đỗ Xuân T2 trình bày: Thửa đất số 223-1, tờ bản đồ số 81, có diện tích 895,3m² tại tổ dân phố B, phường T, thành phố B, có nguồn gốc do bố của ông là ông Đỗ L khai khai hoang từ năm 1984 và sử dụng ổn định; Năm 2002, ông Đỗ L tặng cho ông thửa đất nêu trên; Gia đình ông trồng cây nông nghiệp và sinh sống ổn định tại thửa đất nêu trên.

Ngày 17/10/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số:5720/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất nêu trên của gia đình ông để xây dựng cơ sở hạ tầng; Cũng trong ngày 17/10/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 5758/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông về nhà ở xây dựng trên đất 150.229.929đ; bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc trên đất 21.275.387đ; bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất 17.503.536đ. Tổng cộng 189.008.852đ, không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi.

Ngày 02/4/2018, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 1852/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi thửa đất nêu trên của gia đình ông.

Ngày 28/5/2018, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 2983/QĐ-UBND phê duyệt phương án bổ sung, hỗ trợ thêm cho gia đình ông 103.369.500đ.

Việc UBND thành phố B thu hồi 895,3m² đất của gia đình ông, để xây dựng cơ sở hạ tầng nhưng không bồi thường cho gia đình ông giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi, là trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án: Hủy Quyết định số: 5758/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định số: 1852/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế thu hồi đất của gia đình ông.

6. Trong đơn khởi kiện ngày 16/4/2018; Đơn sửa, đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 02/5/2018 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là ông Đỗ Xuân T1 trình bày: Thửa đất số 137-1, tờ bản đồ số 81, có diện tích 683,2m² tại tổ dân phố B, phường T, thành phố B, có nguồn gốc do bố của ông là ông Đỗ L khai khai hoang từ năm 1984 và sử dụng ổn định; Năm 2002, ông Đỗ L tặng cho ông thửa đất nêu trên; Gia đình ông trồng cây nông nghiệp và sinh sống ổn định tại thửa đất nêu trên.

Ngày 17/10/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 5733/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất nêu trên của gia đình ông để xây dựng cơ sở hạ tầng; Cũng trong ngày 17/10/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 5758/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông về nhà ở trên đất 80.690.784đ; bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc trên đất 13.964.932đ; bồi

thường, hỗ trợ cây trồng trên đất 16.390.134đ. Tổng cộng 111.045.813đ, không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi.

Ngày 02/4/2018, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 1862/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi thửa đất nêu trên của gia đình ông.

Ngày 28/5/2018, UBND thành phố B ban hành Quyết định số:2983/QĐ-UBND phê duyệt phương án bổ sung, hỗ trợ thêm cho gia đình ông 68.320.025đ.

Việc UBND thành phố B thu hồi 683,2m² đất của gia đình ông, để xây dựng cơ sở hạ tầng nhưng không bồi thường cho gia đình ông giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi, là trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án: Hủy Quyết định số: 5758/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định số:1862/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế thu hồi đất của gia đình ông.

7. Trong đơn khởi kiện ngày 16/4/2018; đơn sửa, đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 29/5/2018 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là bà Đỗ Thị T6 và ông Hồ Quang V trình bày: Thửa đất số 137-1, tờ bản đồ số 81, có diện tích 564,6m² tại tổ dân phố B, phường T, thành phố B, có nguồn gốc do bố của bà T6 là ông Đỗ L khai hoang từ năm 1984 và sử dụng ổn định; Năm 2002, ông Đỗ L tặng cho con gái là bà T6 thửa đất nêu trên; Bà T6 làm nhà ở trên đất; Sau đó, bà T6 tặng cho con trai là là Hồ Quang V thửa đất và nhà ở; Bà T6 và ông V sinh sống ổn định tại thửa đất nêu trên.

Ngày 17/10/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số:5731/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất nêu trên của gia đình ông, bà để xây dựng cơ sở hạ tầng; Cũng trong ngày 17/10/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số:5758/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông, bà về nhà ở trên đất 94.305.365đ; bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc trên đất 13.964.932đ; bồi thường hỗ trợ cây trồng trên đất 21.877.744đ. Tổng cộng 130.035.549đ, không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi.

Ngày 02/4/2018, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 1860/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi thửa đất nêu trên của gia đình ông, bà.

Ngày 28/5/2018, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 2983/QĐ-UBND phê duyệt phương án bổ sung, hỗ trợ thêm cho gia đình ông, bà 64.003.500đ.

Việc UBND thành phố B thu hồi 564,6m² đất của gia đình ông, bà để sử dụng xây dựng cơ sở hạ tầng nhưng không bồi thường cho gia đình ông, bà giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi, là trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, ông và bà khởi kiện yêu cầu Tòa án: Hủy Quyết định số: 5758/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định số: 1860/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế thu hồi đất của gia đình ông, bà.

Quá trình tham gia tố tụng, người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày: Ngày 21/6/1988, Binh đoàn 12 ban hành Quyết định số: 321/A-CB5 thành lập khu tập thể gia đình quân nhân Sư đoàn 470, tại phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Ngày 25/12/1998, Bộ Quốc phòng ban hành công văn số: 4063/QP đề nghị Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thu hồi 103.037m² đất do Binh đoàn 12 quản lý, tại phường T, thành phố B giao cho UBND tỉnh Đắk Lắk quản lý, sử dụng; Ngày

29/3/1999, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số: 354/QĐ-TTg thu hồi 103.037m² đất quốc phòng do Binh đoàn 12 quản lý, tại phường T, thành phố B giao cho UBND tỉnh Đắk Lắk quản lý, sử dụng; Ngày 09/7/1999, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số:1667/QĐ-UB giao 85.407m² đất tại phường T, thành phố B, cho UBND thành phố B quản lý; Ngày 03/8/2015, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 3817/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất tại tổ dân phố B, phường T, thành phố B.

Như vậy, các thửa đất mà UBND thành phố B thu hồi của các hộ gia đình ông Đỗ L, ông Đỗ Xuân T2, bà Đỗ Thị Xuân T5, ông Đỗ Xuân T1, ông Đỗ Xuân T3, ông Đỗ Xuân T4 và ông Hồ Quang V, tại tổ dân phố B, phường T, thành phố B, có nguồn gốc do Sư đoàn 470 quản lý, sử dụng từ năm 1988; Tháng 3 năm 1999, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định thu hồi đất và giao cho UBND tỉnh Đắk Lắk quản lý sử dụng; Đến tháng 7/1999, UBND tỉnh Đắk Lắk giao 85.407m² đất tại địa chỉ nêu trên cho UBND thành phố B quản lý, sử dụng; Năm 1990, ông Đỗ L đã lấn chiếm đất do Sư đoàn 470 quản lý, để sử dụng vào mục đích nông nghiệp; Năm 2005, ông Lý tặng cho các con của mình một phần diện tích đất đã lấn chiếm; các con của ông Lý đã xây dựng nhà ở và trồng cây nông nghiệp trên đất.

Ngày 17/10/2017, UBND thành phố B ban hành các Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình nêu trên, để thực hiện dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, tại tổ dân phố B, phường T, thành phố B; Cũng trong ngày 17/10/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 5758/QĐ-UBND về việc phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình có đất bị thu hồi; UBND thành phố B chỉ bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình nêu trên về nhà ở, vật kiến trúc, cây trồng trên đất, không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi. Vì đất của các hộ gia đình nêu trên có nguồn gốc lấn chiếm đất của Sư đoàn 470, nên không được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất, được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 64 và khoản 3 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013.

Do đất bị thu hồi của các hộ gia đình nêu trên được sử dụng vào mục đích nông nghiệp, cũng là nguồn sống chính của các hộ gia đình nêu trên, nên ngày 28/5/2018, UBND thành phố Buôn Ma ban hành Quyết định số: 2983/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ bổ sung, cho các hộ gia đình có đất bị thu hồi bằng 30% giá trị đất nông nghiệp được bồi thường. Đối với các hộ gia đình có nhà ở trên diện tích đất bị thu hồi, UBND thành phố B sẽ bố trí cho mỗi hộ gia đình một lô đất tái định cư nhưng có thu tiền sử dụng đất.

Như vậy, UBND thành phố B đã bồi thường đầy đủ cho các hộ gia đình ông Đỗ Xuân T1, ông Đỗ Xuân T2, bà Đỗ Thị Xuân T5, ông Đỗ Xuân T3, ông Đỗ L, ông Đỗ Xuân T4, bà Đỗ Thị T6 và ông Hồ Quang V, có đất bị thu hồi tại tổ dân phố B, phường T, thành phố B, đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của những người nêu trên, về việc yêu cầu: Hủy Quyết định số: 5758/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND thành phố B.

Quá trình tham gia tố tụng, người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố B trình bày: Ngày 17/10/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình ông Đỗ Xuân T1, ông Đỗ Xuân T2, bà Đỗ Thị Xuân T5, ông Đỗ Xuân T3, ông Đỗ Xuân T4, bà Đỗ Thị T6 và ông Hồ Quang V, có đất bị thu hồi tại tổ dân phố B, phường T, thành phố

B; Các hộ gia đình này đã nhận đầy đủ tiền bồi thường, hỗ trợ nhưng không tự nguyện bàn giao diện tích đã được thu hồi, cho UBND thành phố B để thực hiện dự án xây dựng cơ sở hạ tầng. Vì vậy, ngày 02/4/2018, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành các Quyết định cưỡng chế thu hồi đất của những người nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật, đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của những người nêu trên về việc yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất, của Chủ tịch UBND thành phố B.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; Các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Xuân T1, ông Đỗ Xuân T2, bà Đỗ Thị Xuân T5, ông Đỗ Xuân T3, ông Đỗ L, ông Đỗ Xuân T4, bà Đỗ Thị T6 và ông Hồ Quang V về việc hủy Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số:5758/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND thành phố B và các Quyết định cưỡng chế thu hồi đất của những người nêu trên, ngày ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét thấy: Diện tích đất của ông Đỗ L và các con của ông Lý, tại tổ dân phố B, phường T, thành phố B có nguồn gốc là đất quốc phòng, do Sư đoàn 470 quản lý, sử dụng từ tháng 6/1988; Năm 1990, gia đình ông Đỗ L chiếm một phần diện tích đất của Sư đoàn sử dụng vào mục đích nông nghiệp; Năm 2005, ông L tặng cho 06 người con của mình một phần diện tích đất đã lấn chiếm của Sư đoàn 470; Ngày 17/10/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định thu hồi đất của ông Lý và các con của ông L, để xây dựng cơ sở hạ tầng; Ngày 17/10/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số:5758/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông L và các con của ông L về nhà ở, vật kiến trúc và cây trồng trên đất; không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi, là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật. Vì đất có nguồn gốc do lấn chiếm đất của Sư đoàn 470, đề nghị hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ L và các con của ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, người khởi không rút đơn khởi kiện; Người bị kiện không sửa đổi hoặc hủy bỏ Quyết định hành chính bị khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Xuân T1, ông Đỗ Xuân T2, bà Đỗ Thị Xuân T5, ông Đỗ Xuân T3, ông Đỗ L, ông Đỗ Xuân T4, bà Đỗ Thị T6 và ông Hồ Quang V, về việc hủy Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất số: 5758/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND thành phố B, Hội đồng xét xử xét thấy: Diện tích đất 4.235,2m² tại tổ dân phố B, phường T, thành phố B, mà UBND thành phố B ban hành Quyết định thu hồi đất của ông Đỗ L và các con của ông L vào ngày 17/10/2017, để xây dựng cơ sở hạ tầng, có nguồn gốc nằm trong diện tích đất 52.000m² tại phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, được Bình đoàn 12 giao cho Sư đoàn 470, để xây dựng khu tập thể gia đình quân nhân Sư đoàn 470, theo

Quyết định số: 321/A-CB5 ngày 21/6/1988 của Tư lệnh Binh đoàn 12; Đến ngày 29/3/1999, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số: 354/QĐ-TTg thu hồi 103.037m² đất quốc phòng, do Binh đoàn 12 quản lý tại phường T, thành phố B, giao cho UBND tỉnh Đắk Lắk quản lý sử dụng. Diện tích đất 52.000m² mà Sư đoàn 470 quản lý, nằm trong 103.037m² đất quốc phòng được Thủ tướng Chính phủ thu hồi. Ngày 09/7/1999, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số: 1667/ QĐ-UB giao 85.407m² đất tại phường T, thành phố B, cho UBND thành phố B quản lý, sử dụng. Tại Điều II của Quyết định số:1667/ QĐ-UB, có yêu cầu UBND thành phố B chủ trì cùng với UBND phường T và Sư đoàn 470, kiểm tra việc sử dụng đất của các hộ gia đình đang sử dụng đất, trên diện tích đất được giao cho UBND thành phố B.

Như vậy, diện tích đất 4.235,2m² tại tổ dân phố B, phường T, thành phố B, mà ông Đỗ L và các con của ông L đang sử dụng, có nguồn gốc là đất quốc phòng, do Sư đoàn 470 quản lý từ ngày 21/6/1988; Năm 1990, gia đình ông Đỗ L và một số hộ gia đình khác, đã lợi dụng việc Sư đoàn 470 sử dụng không hết diện tích đất 52.000m² được giao, để xây dựng khu tập thể cho gia đình quân nhân Sư đoàn 470 và thiếu sự quản lý của Sư đoàn 470 đổi diện tích đất được giao, để chiếm một phần diện tích đất do Sư đoàn 470 quản lý, sử dụng vào mục đích nông nghiệp và làm nhà ở; Năm 2005, ông Đỗ L tặng cho các con của mình là ông Đỗ Xuân T1, ông Đỗ Xuân T2, bà Đỗ Thị Xuân T5, ông Đỗ Xuân T3, ông Đỗ Xuân T4, bà Đỗ Thị T6 3.898,9m² đã chiếm của Sư đoàn 470.

Ngày 17/10/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định thu hồi đất của ông Đỗ L và các con của ông L, để xây dựng cơ sở hạ tầng và ban hành Quyết định số: 5758/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất; Bồi thường cho ông L và các con của ông L về nhà ở, vật kiến trúc và cây trồng trên đất, không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi là có căn cứ, đúng pháp luật, được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 64 và khoản 3 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013. Ngày 28/5/2018, UBND thành phố Buôn Ma ban hành Quyết định số: 2983/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ bổ sung cho hộ gia đình ông L và các con của ông L có đất bị thu hồi, bằng 30% giá trị đất nông nghiệp được bồi thường. Như vậy, UBND thành phố B đã bồi thường và hỗ trợ đầy đủ cho ông L và các con của ông L, đối với diện tích đất bị thu hồi có nguồn gốc do chiếm đất của Sư đoàn 470. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ L và các con của ông L về việc hủy Quyết định số: 5758/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND thành phố B.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Xuân T1, ông Đỗ Xuân T2, bà Đỗ Thị Xuân T5, ông Đỗ Xuân T3, ông Đỗ Xuân T4, bà Đỗ Thị T6 và ông Hồ Quang V, về việc hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 17/10/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định thu hồi đất của ông Đỗ Xuân T1, ông Đỗ Xuân T2, bà Đỗ Thị Xuân T5, ông Đỗ Xuân T3, ông Đỗ Xuân T4, bà Đỗ Thị T6 và ông Hồ Quang V, để xây dựng cơ sở hạ tầng. Quyết định thu hồi đất đã có hiệu lực pháp luật; Mặc dù UBND phường T, Ủy ban Mặt tổ quốc phường T và Chi nhánh Trung Tâm phát triển quỹ đất thành phố B là tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, đã vận động, thuyết phục nhưng ông T1, ông T2, bà T5, ông T3, ông T4, bà T6 và ông V không chấp hành Quyết định thu hồi đất, không giao diện tích đất bị thu hồi, với lý do chưa được bồi

thường giá trị quyền sử dụng đất. Vì vậy, ngày 02/4/2018, Chủ tịch UBND thành phố B, ban hành Quyết định cưỡng chế để thực hiện quyết định thu hồi đất, là có căn cứ, được quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, cần bác yêu cầu của ông T1, ông T2, bà T5, ông T3, ông T4, bà T6 và ông V, về việc hủy Quyết định cưỡng thu hồi đất ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện không được chấp nhận, người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành Chính; Điểm đ khoản 1 Điều 64, Điều 71, khoản 3 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của của ông Đỗ Xuân T1, ông Đỗ Xuân T2, bà Đỗ Thị Xuân T5, ông Đỗ Xuân T3, ông Đỗ L, ông Đỗ Xuân T4, bà Đỗ Thị T6 và ông Hồ Quang V, về việc hủy Quyết định số: 5758/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất, để xây dựng cơ sở hạ tầng tại tổ dân phố 7, phường TL, thành phố B.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của của ông Đỗ Xuân T1, ông Đỗ Xuân T2, bà Đỗ Thị Xuân T5, ông Đỗ Xuân T3, ông Đỗ Xuân T4, bà Đỗ Thị T6 và ông Hồ Quang V, về việc hủy các Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số: 1852/QĐ-UBND, số: 1853/QĐ-UBND, số: 1858/QĐ-UBND, số: 1859/QĐ-UBND, số: 1860/QĐ-UBND, số: 1862/QĐ-UBND, ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B.

3. Về án phí: Ông Đỗ Xuân T1, ông Đỗ Xuân T2, bà Đỗ Thị Xuân T5, ông Đỗ Xuân T3, ông Đỗ Xuân T4, bà Đỗ Thị T6 và ông Hồ Quang V, mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính sơ thẩm; được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp, theo các biên lai: số 0007364 ngày 07/6/2018, số 0007366 ngày 07/6/2018, số 0006347 ngày 25/5/2018, số 0006346 ngày 25/5/2018, số 0006345 ngày 23/5/2018, số 0006341 ngày 11/5/2018, số 0007365 ngày 07/6/2018, của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Huồn